ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 32 /2023/QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 705/TTr-STNMT ngày 21 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2023 và thay thế Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo QB và Đài PT-TH QB;
- VP UBND tỉnh: LĐVP;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

(Kèm theo Quyết định số 32 /2023/QĐ-UBND ngày 23 /10 /2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định các hoạt động về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Nước dưới đất và nước biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

3. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Chương II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Căn cứ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Luật Tài nguyên nước năm 2012 đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn chưa thực hiện việc điều tra đánh giá tài nguyên nước; tổng

hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Điều 4. Kiểm kê tài nguyên nước

1. Việc kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện định kỳ 05 năm một lần, phù hợp với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Trách nhiệm kiểm kê tài nguyên nước: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; tổng hợp kết quả kiểm kê của các lưu vực sông nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

3. Nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Trách nhiệm điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện việc điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn; tổng hợp kết quả điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Y tế và các sở, ban, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

2. Nội dung, biểu mẫu điều tra, nội dung báo cáo và trình tự thực hiện điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

2. Các sở, ban, ngành trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập, phân loại đánh giá, xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tài nguyên nước và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ chứa thủy lợi, dự án, công trình có liên quan đến khai thác sử dụng tài nguyên nước, dữ liệu nước sạch nông thôn.

b) Sở Xây dựng: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về quy hoạch cấp nước sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; số liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, dữ liệu cấp nước an toàn khu vực đô thị.

c) Sở Y tế: Cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nước sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch; chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế.

d) Sở Công Thương: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong các hồ, đập thủy điện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chịu trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

b) Lập, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt;

c) Khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền, khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông; công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp;

d) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm

quyền; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước;

đ) Hàng năm, căn cứ vào Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn và xây dựng phương án, kinh phí cắm mốc chi tiết sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch;

e) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền;

g) Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn;

h) Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước;

i) Chủ trì giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc phối hợp thực hiện của các cơ quan tham gia điều phối, giám sát đối với lưu vực sông nội tỉnh;

k) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước.

3. Tiếp nhận, thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác về hoạt động tài nguyên nước đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất, quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi.

b) Xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ hiệu quả, có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng các công trình thủy lợi, khôi phục nguồn nước bị suy thoái cạn kiệt để bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp nước, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung theo thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu

nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các cơ quan có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ thủy điện, thương mại, sản xuất công nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp cùng với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác và bảo trì mạng lưới đường thủy nội địa do tỉnh quản lý.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn các quy định về bảo vệ môi trường đối với cảng, bến và phương tiện giao thông đường thủy, đảm bảo không gây ô nhiễm các nguồn nước.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước đến các đối tượng học sinh trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm liên quan lĩnh vực tài nguyên nước thuộc đối tượng đầu tư công khi cân đối được nguồn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Sở Tài chính: Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, phân bổ kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường hàng năm để các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hàng năm thông báo đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư khai thác và xử lý nước trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định; ưu tiên lựa chọn các công nghệ, thiết bị hiện đại, tiết kiệm tài nguyên nước để sử dụng trong các dự án đầu tư.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có liên quan kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu

kinh tế vi phạm các quy định về quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

10. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát và lấy mẫu xét nghiệm chất lượng nước cấp dùng cho ăn uống và sinh hoạt định kỳ tại tất cả các cơ sở cung cấp nước khu vực nông thôn, mạng phân phối cấp nước khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân, cơ quan chức năng. Tham mưu UBND tỉnh công bố thông tin về chất lượng nước đối với các trạm cấp nước không đạt chất lượng.

11. Công an tỉnh: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra về tài nguyên nước, đề xuất và xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

12. Cục Thuế tỉnh: Quản lý các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực tài nguyên nước; hàng năm, trước ngày 15 tháng 12 tổng hợp kết quả thu ngân sách Nhà nước liên quan lĩnh vực tài nguyên nước trong phạm vi quản lý của cơ quan thuế, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

13. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh: Cung cấp danh mục và vị trí các trạm thủy văn chuyên dùng, tài liệu khí tượng thủy văn hiện có và số liệu các yếu tố khí tượng thủy văn quan trắc được khi Sở Tài nguyên và Môi trường có yêu cầu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ hàng tháng, quý, năm có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả quan trắc khí tượng thủy văn và dự báo tình hình khí tượng thủy văn tháng, quý, năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với chính quyền cùng cấp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia quản lý, bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

15. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Bình, Báo Quảng Bình: Tổ chức đưa tin tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài

nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

3. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền.

4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

5. Định kỳ tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

6. Tổ chức đăng ký và xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo thẩm quyền.

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ sông, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn và phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cắm mốc giới được phê duyệt.

8. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp nước, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung theo thẩm quyền.

9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, theo dõi nắm bắt tình hình, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn quản lý; tham gia công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra trên địa bàn.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; tổ chức thực hiện việc quản lý mốc giới trên địa bàn. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn quản lý.

4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước đối với các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, không phải xin phép; xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

5. Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Đối với báo cáo sử dụng tài nguyên nước: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép tài nguyên nước báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất nước trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Y tế; các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn quản lý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4. Nội dung, biểu mẫu báo cáo sử dụng tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.